

THƯƠNG VỤ
ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC

BÁO CÁO

THỊ TRƯỜNG DỆT MAY GIA DỤNG HÀN QUỐC

Seoul, tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ THỊ TRƯỜNG DỆT MAY GIA DỤNG HÀN QUỐC	3
<i>1.1. Phân loại mặt hàng</i>	<i>3</i>
<i>1.2. Thông tin chung về thị trường dệt may gia dụng Hàn Quốc.....</i>	<i>3</i>
<i>1.3. Hệ thống phân phối và hoạt động kinh doanh tại Hàn Quốc.....</i>	<i>5</i>
2. XU HƯỚNG THƯƠNG MẠI.....	6
<i>2.1. Xu hướng nhập khẩu của Hàn Quốc</i>	<i>6</i>
<i>2.2. Các nhà xuất khẩu chính vào Hàn Quốc.....</i>	<i>6</i>
<i>2.3. Xu hướng nhập khẩu theo từng mặt hàng</i>	<i>7</i>
<i>2.4. Thực trạng và đặc điểm của các nước ASEAN xuất khẩu hàng dệt may gia dụng sang Hàn Quốc</i>	<i>9</i>
3. MỘT SỐ LƯU Ý KHI XUẤT KHẨU SANG HÀN QUỐC	11
<i>3.1. Thủ tục nhập khẩu hàng dệt may gia dụng của Hàn Quốc</i>	<i>11</i>
<i>3.2. Một số yêu cầu của Hàn Quốc đối với nhập khẩu</i>	<i>12</i>
<i>3.3. Một số quy định dán nhãn</i>	<i>13</i>
4. MỘT SỐ CƠ QUAN HỮU ÍCH.....	14
5. THUẾ VÀ CÁC LOẠI PHÍ.....	14
<i>5.1. Thuế nhập khẩu</i>	<i>14</i>
<i>5.2. Thuế nội địa.....</i>	<i>16</i>
6. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN.....	17
7. MỘT SỐ TRIỂN LÃM VÀ NHÀ NHẬP KHẨU LỚN CỦA HÀN QUỐC.....	17
<i>7.1. Một số triển lãm lớn tại Hàn Quốc</i>	<i>17</i>
<i>7.2. Danh sách các nhà nhập khẩu lớn</i>	<i>18</i>

1. Thông tin cơ bản về thị trường dệt may gia dụng Hàn Quốc

1.1. Phân loại mặt hàng

Tính đến hết năm 2017, tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng mã HS 6302 của Hàn Quốc đạt trên 100 triệu USD, tăng 13,4% so với năm 2016. Trong đó nhập khẩu từ các nước Đông Nam Á (ASEAN) đạt gần 40 triệu USD tăng 21,6%.

Bảng 1: Tình hình nhập khẩu mặt hàng mã HS 6302 của Hàn Quốc

Đơn vị: \$1.000

Mã HS	Nhập khẩu từ các nước ASEAN		Nhập khẩu từ thế giới	
	2016	2017	2016	2017
6302	31.220	41.520	88.645	108.858

Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

Mã HS 6302 được sử dụng trong báo cáo này là các sản phẩm dệt may gia dụng như các loại ga giường, khăn trải bàn, khăn dùng trong nhà bếp và nhà vệ sinh... Các loại ga giường bao gồm các loại như ga phủ nệm, khăn trải giường và vỏ gối. Khăn trải bàn bao gồm các loại như khăn trải bàn, khăn ăn, thảm trải bàn. Khăn dùng trong nhà vệ sinh gồm các sản phẩm như áo choàng tắm. Các loại dép đi trong nhà tắm, thảm trải trong nhà tắm và các loại thảm trải trong nhà bếp.

1.2. Thông tin chung về thị trường dệt may gia dụng Hàn quốc

Tổng quy mô thị trường hàng dệt may gia dụng Hàn Quốc đạt sản lượng ước tính trị giá 326 triệu USD. Các sản phẩm dùng trong nhà tắm và nhà bếp đạt 200 triệu USD, chiếm 61,4%, tiếp theo đó là các mặt hàng liên quan đến giường ngủ chiếm 36,8% tổng thị trường, đạt sản lượng 120 triệu USD và cuối cùng là các sản phẩm liên quan đến khăn trải bàn đạt 6 triệu USD, chiếm 1,8%.

Cụ thể, thị trường sản phẩm liên quan đến giường ngủ, sản xuất các sản phẩm như ga giường, khăn trải giường đạt 70 triệu USD, chiếm 58,3%. Tiếp theo là các loại gối và vỏ gối với sản lượng đạt 20 triệu USD, chiếm 16,7%. Các sản phẩm liên quan đến giường ngủ đạt 30 triệu USD, chiếm 25%.

Các mô hình tiêu dùng phân cực đang dần xuất hiện tại thị trường hàng dệt may gia dụng. Các mặt hàng phổ biến, đắt tiền bao gồm quần áo ngủ được làm bằng các vật liệu uy tín như sợi cashmere và alpaca, cũng như khăn tắm và áo choàng tắm được làm bằng các sợi tinh khiết. Mặt khác, các vật dụng thực tế bền, dễ rửa và khô cũng đang dần chiếm thị phần cao.

Thị trường các sản phẩm dùng trong giường ngủ đang hướng đến 3 xu hướng chính bao gồm thân thiện với môi trường, tính năng sử dụng cao, và sự hài hòa với đồ nội thất xung quanh. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, những sản phẩm làm từ chất liệu thân thiện với môi trường, tốt cho sức khỏe sẽ dần trở nên phổ biến, phù hợp với xu hướng tiêu dùng ưu tiên sức khỏe đang ngày càng được người tiêu dùng Hàn Quốc tin dùng.

Thứ hai, những sản phẩm có tính năng sử dụng cao sẽ thu hút được sự chú ý, đặc biệt những sản phẩm làm từ chất liệu thân thiện môi trường như sợi cotton nguyên chất, tre nứa, không có các chất gây kích ứng da, đồng thời có tính năng thông gió và khả năng chống các loại nấm mốc cao.

Thứ ba, người tiêu dùng có xu hướng thích các sản phẩm hài hòa với nội thất trong phòng ngủ và môi trường xung quanh. Do đó, họ mong muốn mua quần áo ngủ có thể tạo sự hài hòa với giường và các đồ nội thất khác trong phòng. Ngày nay phổ biến với các mặt hàng có màu sắc rực rỡ, với nhiều mẫu in lên trên và các mặt hàng làm từ các chất liệu cao cấp như cashmere, len Angoras, mang tính trang trí nội thất bên trong.

Xu hướng tiêu dùng đối với thị trường khăn trải bàn hướng tới các sản phẩm thiết kế. Ví dụ như đối với mặt hàng khăn trải bàn, người tiêu dùng ngày nay không còn coi đó chỉ là những vật liệu hữu ích trong các bữa ăn mà còn muốn những chiếc khăn trải bàn phải phù hợp với bàn ăn, phòng bếp và coi đó như là một phần trang trí nội thất trong nhà. Xu hướng phổ biến trong số những người tiêu dùng là những sản phẩm có thể làm mới bầu không khí nhà bếp với màu sắc rực rỡ hoặc bản in, hoặc các vật liệu với tông màu tự nhiên.

Liên quan đến bữa ăn và sức khỏe, khăn trải bàn phải đảm bảo vệ sinh, sạch sẽ. Về vấn đề này, những sản phẩm làm từ cotton nguyên chất và các sợi tự nhiên khác không chứa chất liệu có hại với cơ thể con người đang dần trở nên phổ biến. Xu hướng ưu tiên những mặt hàng thiết kế, đảm bảo sức khỏe con người được cho rằng sẽ tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

Quy mô thị trường nội địa của sản phẩm khăn dùng trong nhà bếp, nhà vệ sinh ước tính đạt 200 triệu USD. Mặt hàng khăn tắm đạt 120 triệu USD. Mặt hàng khăn tắm dùng sợi tơ dệt và các vật liệu tự nhiên đang ngày càng trở nên thông dụng đối với người tiêu dùng. Song Wol Towel hiện đang là nhà sản xuất hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất khăn tắm. Daejeon là trung tâm của ngành sản xuất khăn trong nước, cung cấp khoảng 60% sản phẩm khăn tắm.

Những sản phẩm khăn dùng trong nhà vệ sinh và nhà bếp thường tiếp xúc trực tiếp với da, và một số trong đó có liên quan đến bữa ăn. Về vấn đề này, các sản phẩm thân thiện với môi trường, hướng đến sức khỏe ngày càng phổ biến. Các mặt hàng làm từ hàng dệt tơ truyền thống thường được người tiêu dùng ưa chuộng vì mang lại cảm giác mềm và có khả năng hút ẩm cao. Gần đây, các mặt hàng bán chạy nhất bao gồm các mặt hàng thân thiện với hệ sinh thái làm từ sợi cotton nguyên chất, sợi tre, và sợi tự nhiên.

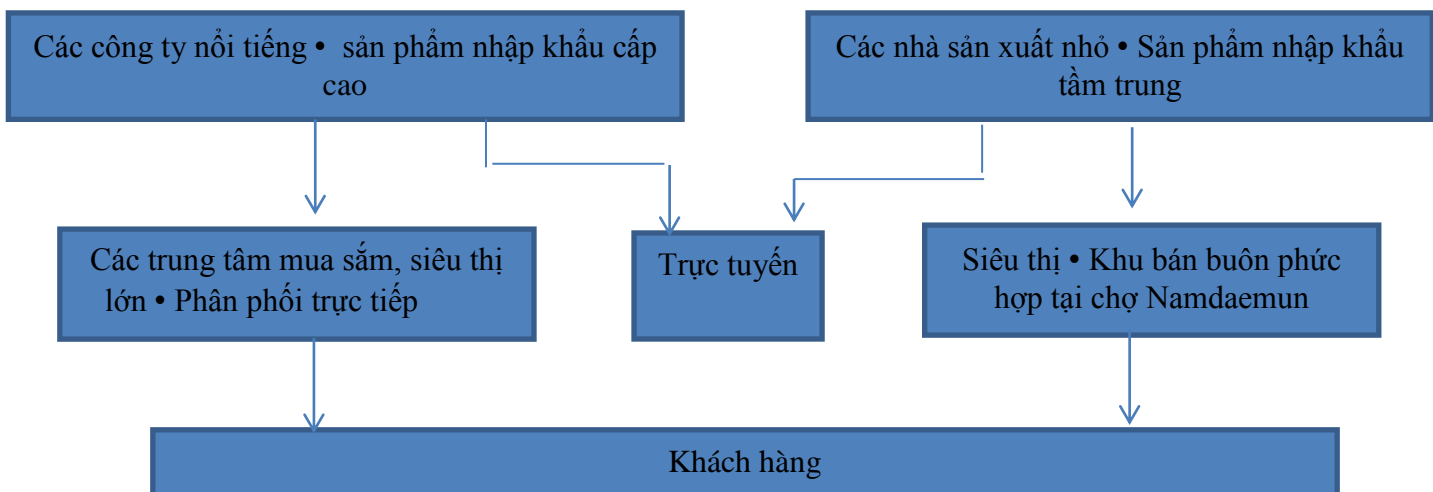
1.3. Hệ thống phân phối và hoạt động kinh doanh tại Hàn Quốc

Tình trạng bán lẻ các mặt hàng hàng dệt gia dụng cho thấy các sản phẩm của các công ty nổi tiếng hoặc các sản phẩm nhập khẩu cao cấp thường được bán tại các trung tâm mua sắm và các siêu thị có quy mô lớn. Đây được cho là nỗ lực nhằm giữ giá trị thương hiệu và đảm bảo sự khác biệt với các sản phẩm của các doanh nghiệp nhỏ cũng như các mặt hàng nhập khẩu có giá thấp.

Sản phẩm của các nhà sản xuất nhỏ hay các sản phẩm nhập khẩu có giá trị thấp thường được bán tại các khu mua sắm phức hợp với nhiều quy mô khác nhau như chợ Namdaemun và chợ Dongdaemun. Một số kênh này đã đơn giản hóa hệ thống phân phối, giảm giá sản phẩm, tìm kiếm sự tin tưởng từ khách hàng thông qua hệ thống nhượng quyền riêng. Những mặt hàng có giá thấp được bán tại các siêu thị nhỏ hoặc các cửa hàng tiện lợi. So với các trung tâm mua sắm lớn thì những nơi này có lợi thế hơn trong việc tiếp cận khách hàng.

Ngày nay, các công ty nổi tiếng, nhà nhập khẩu và nhà sản xuất đang cố gắng mở rộng doanh thu bán hàng thông qua thị trường trên mạng bao gồm các shop bán hàng online và các kênh mua sắm tại nhà. Ngoại trừ hạn chế về mặt đa dạng sản phẩm, hầu hết các sản phẩm dệt gia đình đều không phải những mặt hàng xa xỉ. Do vậy, đa phần các khách hàng không có nhu cầu kiểm tra sản phẩm trước khi mua. Điều này chỉ ra rằng doanh thu bán hàng thông qua các kênh bán hàng trên mạng sẽ tăng đáng kể. Một số nhãn hiệu các loại thảm giường đã đạt được doanh thu đáng kể thông qua các kênh bán hàng trên mạng, điều này chỉ ra rằng thị trường bán hàng trực tuyến rất có triển vọng.

Hình 1: Các kênh phân phối mặt hàng dệt may gia dụng



Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc tổng hợp

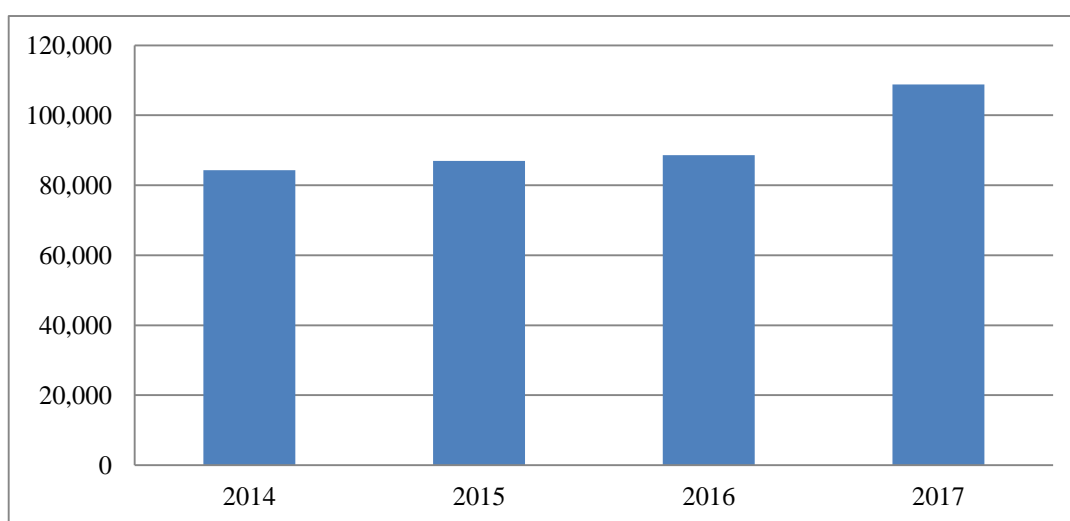
2. Xu hướng thương mại

2.1. Xu hướng nhập khẩu Hàn Quốc

Quy mô thị trường nhập khẩu hàng dệt may gia dụng của Hàn Quốc đã tăng 29,1% từ 84,3 triệu USD năm 2014 lên 108,8 triệu USD năm 2017. Tốc độ tăng trưởng bình quân năm giai đoạn 2015-2017 đạt 9,3%, trong đó năm 2017 có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tăng 22,8% so với năm 2016.

Hình 2: Tình hình nhập khẩu mặt hàng dệt may gia dụng nhập khẩu của Hàn Quốc theo năm

Đơn vị: \$1.000



Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

2.2. Các nhà xuất khẩu chính vào Hàn Quốc

Trong 10 nước có kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may gia dụng vào Hàn Quốc thì Trung Quốc và Việt Nam là hai nước có thị phần lớn nhất.

Bảng 2: Tình hình nhập khẩu hàng dệt may gia dụng của Hàn Quốc và các nước xuất khẩu chính vào Hàn Quốc

Đơn vị: \$1.000

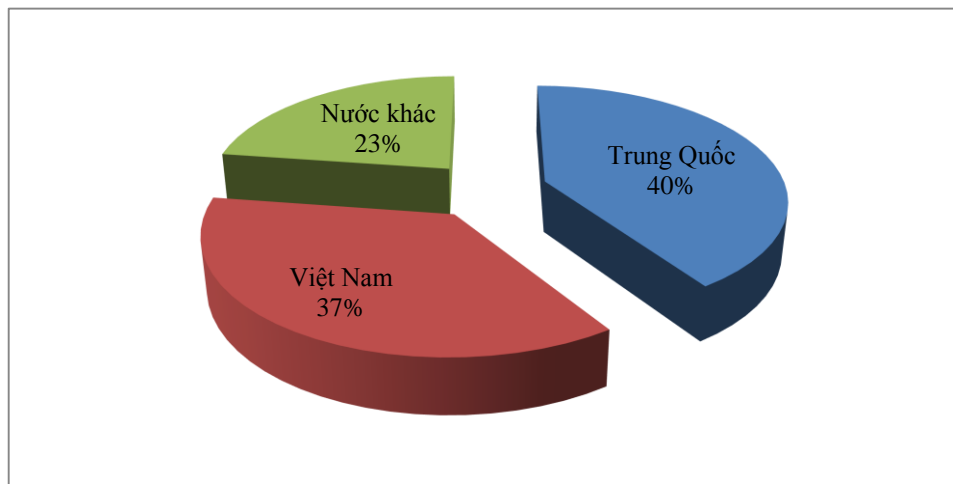
TT	Quốc gia	2014	2015	2016	2017
		Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
	Tổng KN	84.334	86.975	88.645	108.858
1	Trung Quốc	31.686	35.253	36.655	44.209
2	Việt Nam	33.723	31.441	30.568	39.897
3	Ấn Độ	6.725	5.697	5.439	5.278
4	Ý	3.232	3.127	3.664	4.080
5	Pa-ki-xtan	1.894	2.459	1.753	2.447
6	Đức	478	317	770	2.048
7	Bồ Đào Nha	1.671	1.778	2.456	1.649
8	Thổ Nhĩ Kỳ	411	954	905	1.278

9	Băng-la-đét	323	1.139	1.086	1.138
10	Pháp	800	1.065	882	1.134

Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

Đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Việt Nam đối với mặt hàng trên tại thị trường Hàn Quốc là Trung Quốc. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong 3 năm gần đây đã tăng 26,9% từ 31,4 triệu USD năm 2014 lên 39,9 triệu USD năm 2017 song trong cùng giai đoạn, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc cũng đạt mức tăng trưởng 25,4%. Theo đó, Trung Quốc và Việt Nam chiếm vị trí thứ nhất và thứ hai trong số các nước có kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may gia dụng vào thị trường Hàn Quốc, lần lượt là 40% và 37%.

Hình 3: Thị phần hàng dệt may gia dụng nhập khẩu của Hàn Quốc



Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

2.3. Xu hướng nhập khẩu theo từng mặt hàng

Tính theo diện mặt hàng, các mặt loại khăn dùng trong nhà bếp và nhà vệ sinh chiếm 48% về giá trị và 61% về khối lượng trong tổng sản phẩm dệt gia dụng nhập khẩu, đạt mức 108,9 triệu USD 2017. Tiếp theo là các loại khăn trải giường, chiếm 47% về giá trị và 37% về khối lượng, đạt 50,8 triệu USD, các loại khăn trải bàn đạt 5,4 triệu USD, chiếm 5% về giá trị và 2% về khối lượng.

Bảng 3: Tình hình nhập khẩu mặt hàng dệt may gia dụng của Hàn Quốc theo diện mặt hàng

Đơn vị: \$1.000, Tấn

Phân loại	Giá trị (\$1.000)				Khối lượng (tấn)				2017		
	2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017	Thị phần		Đơn giá (\$/kg)
									Giá trị	KL	
Khăn trải giường	29.636	37.319	37.755	50.801	3.389	3.316	3.406	4.750	47%	37%	10,7
Khăn trải bàn	3.410	3.861	3.729	5.410	222	235	269	269	5%	2%	20,1

Khăn trong nhà vệ sinh & bếp	51.287	45.794	47.160	52.648	7.707	7.309	7.862	7.862	48%	61%	6,7
Tổng	84.333	86.974	88.644	108.859	11.318	10.859	11.537	12.881	100	100	8,5

Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

- Các loại khăn trải giường

Trung Quốc vẫn là nguồn nhập khẩu lớn nhất của Hàn Quốc đối với mặt hàng này. Các doanh nghiệp xuất khẩu Trung Quốc chiếm 70,2% tổng nhập khẩu của Hàn Quốc, đạt 33,2 triệu USD trong năm 2017.

Việt Nam là nước duy nhất trong khối các nước ASEAN nằm trong top 10. Kim ngạch xuất khẩu năm 2017 đạt 7,5 triệu USD tăng mạnh 384% so với năm 2016.

Bảng 4: Tình hình nhập khẩu mặt hàng khăn trải giường

Đơn vị: \$1.000, Tấn, %, \$/kg

Quốc gia	2014	2015	2016		2017				
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	KL	Giá trị	Thị phần	KL	Thị phần	Đơn giá
Trung Quốc	20,337	23,927	24,248	2,716,9	30.496	60,0	3.335,2	70,2	9,1
Việt Nam	1,308	2,173	1,541	119,4	6.839	13,5	740,2	15,6	9,2
Ý	2,327	1,865	2,733	66,4	2.796	5,5	74,4	1,6	37,6
Pa-ki-xtan	877	2,354	1,711	153,7	2.412	4,7	214,2	4,5	11,3
Bồ Đào Nha	1,383	1,480	2,023	73,4	1.395	2,7	50,2	1,1	27,8
Lit-va	85	319	428	10,4	823	1,6	19,4	0,4	42,3
Pháp	675	783	628	9,2	785	1,5	11,2	0,2	70,1
Băng-la-đét	155	843	762	75,2	754	1,5	73,8	1,6	10,2
Ấn Độ	655	1,289	604	30,8	742	1,5	37,1	0,8	20,0
Thổ Nhĩ Kỳ	187	585	502	36,4	513	1,0	31,3	0,7	16,4
Tổng KN	29.636	37.319	37.755	3.405,9	50.801	100,0	4.749,7	100,0	10,7
ASEAN	1.561	2.512	2.051	150	7.743	15,2	803	16,9	9,6

Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

- Các loại khăn trải bàn

Nước xuất khẩu lớn nhất mặt hàng này sang Hàn Quốc vẫn là Trung Quốc, chiếm 38,3% tổng sản lượng nhập khẩu của Hàn Quốc, đạt 5,9 triệu USD. Trong khối các nước ASEAN, Việt Nam xếp thứ 5, với mức xuất khẩu là 121.000 USD, chỉ chiếm 2,1% thị phần.

Bảng 5: Tình hình nhập khẩu mặt hàng khăn trải bàn

Đơn vị: \$1.000, Tấn, %, \$/kg

Quốc gia	2014	2015	2016		2017				
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	KL	Giá trị	Thị phần	KL	Thị phần	Đơn giá
Trung Quốc	1,132	1,090	1,446	162,2	2.072	38,3	251,1	56,2	8,3
Ấn Độ	535	730	613	44,6	1.187	21,9	115,4	25,8	10,3

Ý	839	1,131	814	23,3	1.091	20,2	31,8	7,1	34,3
Pháp	67	154	140	3,3	219	4,0	4,2	0,9	51,7
Việt Nam	264	143	185	12,2	111	2,1	6,4	1,4	17,4
Tây Ba Nha	42	22	84	3,1	85	1,6	2,8	0,6	30,4
Lit-va	13	30	103	2,3	45	0,8	1,0	0,2	45,1
Băng-la-đét	2	19	17	1,9	35	0,6	4,0	0,9	8,8
Nhật Bản	110	14	13	0,3	29	0,5	0,3	0,1	92,9
Thổ Nhĩ Kỳ	12	62	23	1,5	24	0,4	1,5	0,3	16,6
Tổng KN	3,410	3,861	3,729	269.1	5.410	100,0	446,9	100,0	12,1
ASEAN	316	164	195	13	168	3,1	12	2,8	13,7

Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

- Các loại khăn dùng trong nhà bếp và nhà vệ sinh

Đối với mặt hàng trên, Việt Nam chiếm 62,6% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc, đứng vị trí thứ nhất, vượt khá xa so với Trung Quốc (19%).

Bảng 6: Tình hình nhập khẩu mặt hàng khăn dùng trong nhà bếp và nhà vệ sinh

Đơn vị: \$1.000, Tấn, %, \$/kg

Quốc gia	2014	2015	2016		2017				
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	KL	Giá trị	Thị phần	KL	Thị phần	Nguyên giá
Việt Nam	32.070	29.124	28.843	5.516,7	32.949	62,6	5.897,1	69,3	5,6
Trung Quốc	10.217	10.236	10.962	1.539,4	11.641	22,1	1.615,7	19,0	7,2
Ấn Độ	5.534	3.679	3.899	548,7	3.113	5,9	441,8	5,2	7,0
Đức	42	83	273	54,5	1.242	2,4	257,2	3,0	4,8
Thổ Nhĩ Kỳ	210	304	342	22,0	740	1,4	56,5	0,7	13,1
Nhật Bản	418	597	567	42,9	520	1,0	34,1	0,4	15,3
Băng-la-đét	166	277	305	39,9	348	0,7	43,7	0,5	8,0
Ý	67	130	116	3,0	194	0,4	8,6	0,1	22,6
Hoa Kỳ	278	142	163	9,1	171	0,3	19,4	0,2	8,8
Pháp	59	127	115	3,3	129	0,2	2,4	0,0	53,1
Tổng KN	51.287	45.794	47.160	7.861,9	52.648	100,0	8.512,1	100,0	6,2
ASEAN	32.419	29.200	28.973	5.531	33.609	63,8	5.991,9	70,4	5,6

Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

2.4. Thực trạng và đặc điểm của các nước ASEAN xuất khẩu hàng dệt may gia dụng sang Hàn Quốc

Xuất khẩu hàng dệt may gia dụng của các nước ASEAN sang Hàn Quốc trong năm 2017 đạt 41,5 triệu USD, chiếm 38% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc đối với mặt hàng này (108,8 triệu USD). Mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất là các loại khăn thấm dùng trong nhà bếp và nhà vệ sinh chiếm 81% thị phần. Trong khối ASEAN, Việt Nam là nước nắm phần lớn thị phần, đạt mức 37 triệu USD năm 2017, chiếm 34% tổng thị phần. Dự báo, thị phần của Việt Nam được sẽ còn tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới.

IN-ĐỒ-NÊ-XI-A		Giá trị (\$ 1.000)				Khối lượng (tấn)				Đơn giá (\$/kg)
		2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017	2017
	Khăn trải giường	10,0	24,0	5,0	11,0	0,5	1,7	0,1	0,5	21,8
	Khăn trải bàn	1,0	2,0	2,0	2,0	0,1	0,6	0,5	0,5	3,8
	Khăn trong phòng tắm và bếp	15,0	19,0	2,0	0,0	1,5	2,5	0,0	0,0	0,0
	Tổng	26,0	45,0	9,0	13,0	2,0	4,8	0,6	1,1	12,2
	Tổng nhập khẩu của HQ	84.334	86.975	88.645	108.858	11.318	10.859	11.537	13.708	7,9
	Thị phần	0,03%	0,05%	0,01%	0,01%	0,02%	0,04%	0,01%	0,01%	

PHI-LÍP-PIN		Giá trị (\$ 1.000)				Khối lượng (tấn)				Đơn giá (\$/kg)
		2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017	2017
	Khăn trải giường	0,0	167,0	0,0	7,0	0,0	3,3	0,0	2,5	2,8
	Khăn trải bàn	0,0	6,0	4,0	46,0	0,0	0,1	0,1	4,7	9,9
	Khăn trong phòng tắm và bếp	6,0	0,0	0,0	1,0	0,1	0,0	0,0	0,0	21,7
	Tổng	6,0	173,0	4,0	54,0	0,1	3,4	0,1	7,2	7,5
	Tổng nhập khẩu của HQ	84.334	86.975	88.645	108.858	11.318	10.859	11.537	13.708	7,9
	Thị phần	0,01%	0,20%	0,00%	0,05%	0,00%	0,03%	0,00%	0,05%	

MA-LAI-XI-A		Giá trị (\$ 1.000)				Khối lượng (tấn)				Đơn giá (\$/kg)
		2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017	2017
	Khăn trải giường	0,0	28,0	0,0	3,0	0,0	1,3	0,0	0,2	12,1
	Khăn trải bàn	0,0	9,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0
	Khăn trong phòng tắm và bếp	2,0	0,0	0,0	0,0	0,2	0,1	0,1	0,0	0,0
	Tổng	2,0	37,0	0,0	3,0	0,2	1,5	0,1	0,3	10,8
	Tổng nhập khẩu của HQ	84.334	86.975	88.645	108.858	11.318	10.859	11.537	13.708	7,9
	Thị phần	0,00%	0,04%	0,00%	0,00%	0,00%	0,01%	0,00%	0,00%	

XINH-GA-PO		Giá trị (\$ 1.000)				Khối lượng (tấn)				Đơn giá (\$/kg)
		2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017	2017
	Khăn trải giường	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0
	Khăn trải bàn	0,0	0,0	0,0	4,0	0,0	0,1	0,0	0,0	148,1
	Khăn trong phòng tắm và bếp	187,0	3,0	1,0	3,0	21,5	0,1	0,1	0,4	8,5
	Tổng	187,0	3,0	1,0	7,0	21,6	0,2	0,1	0,4	18,2
	Tổng nhập khẩu của HQ	84.334	86.975	88.645	108.858	11.318	10.859	11.537	13.708	7,9
	Thị phần	0,22%	0,00%	0,00%	0,01%	0,19%	0,00%	0,00%	0,00%	

THÁI LAN		Giá trị (\$ 1.000)				Khối lượng (tấn)				Đơn giá (\$/kg)
		2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017	2017
	Khăn trải giường	206,0	114,0	336,0	400,0	10,8	6,9	20,3	26,5	15,1
	Khăn trải bàn	0,0	5,0	0,0	5,0	0,0	0,1	0,1	0,7	7,0
	Khăn trong phòng tắm và bếp	38,0	50,0	19,0	62,0	3,0	2,7	2,5	3,9	15,8
	Tổng	244,0	169,0	355,0	467,0	13,8	9,7	22,8	31,2	15,0
	Tổng nhập khẩu của HQ	84.334	86.975	88.645	108.858	11.318	10.859	11.537	13.708	7,9
	Thị phần	0,29%	0,19%	0,40%	0,43%	0,12%	0,09%	0,20%	0,23%	

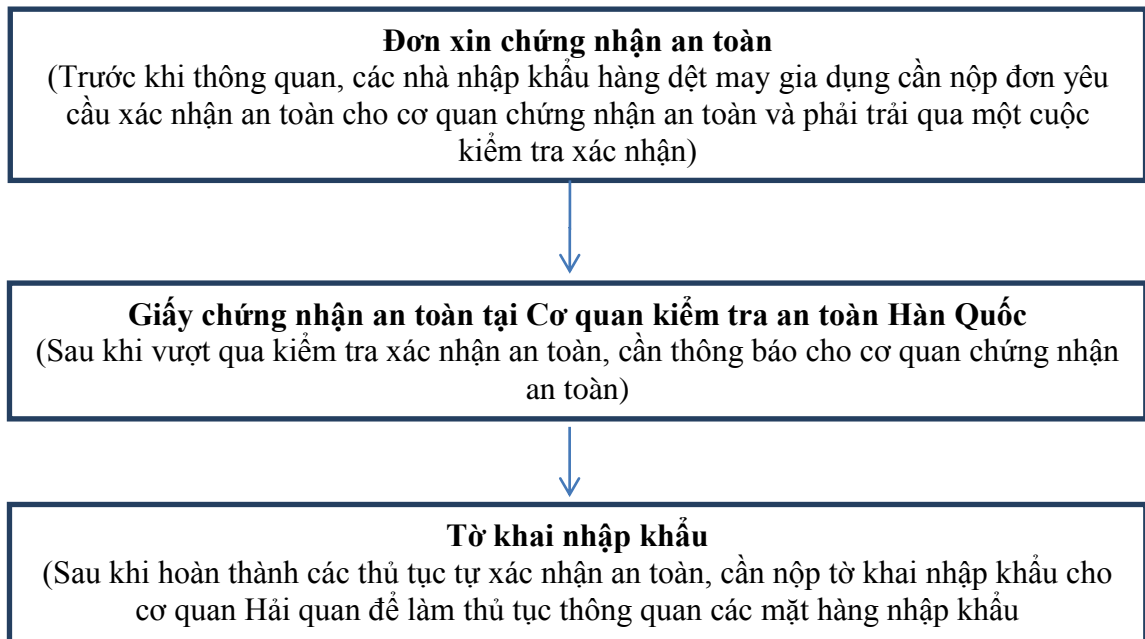
VIỆT NAM		Giá trị (\$ 1.000)				Khối lượng (tấn)				Đơn giá (\$/kg)
		2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017	2017
	Khăn trải giường	1.319	2.174	1.541	3.980	73	118	119	740	5,4
	Khăn trải bàn	264	143	185	111	20	4	12	6	17,4
	Khăn trong phòng tắm và bếp	32.090	29.125	28.843	32.949	5.617	5.328	5.517	5.897	5,6
	Tổng	33.673	31.442	30.569	37.040	5.711	5.450	5.648	6.644	5,6
	Tổng nhập khẩu của HQ	84.334	86.975	88.645	108.858	11.318	10.859	11.537	13.708	7,9
	Thị phần	39,93%	36,15%	34,48%	34,03%	50,46%	50,19%	48,96%	48,47%	

Nguồn: Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc

3. Một số lưu ý quan trọng khi xuất khẩu sang Hàn Quốc

3.1. Thủ tục nhập khẩu hàng dệt may gia dụng của Hàn Quốc

Thủ tục nhập khẩu hàng dệt may gia dụng của Hàn Quốc



3.2. Một số yêu cầu của Hàn Quốc đối với nhập khẩu

Xuất khẩu hàng dệt may gia dụng sang Hàn Quốc được áp dụng theo Luật Quản lý chất lượng và kiểm soát an toàn đối với các sản phẩm công nghiệp.

i) Luật Quản lý chất lượng và kiểm soát an toàn đối với các sản phẩm công nghiệp

⇒ Đối với sản phẩm sau, chỉ khi các mô hình tương tự của một sản phẩm có thông báo xác nhận an toàn mới có thể được nhập khẩu.

• Sản phẩm dệt cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm dệt tiếp xúc với da

⇒ Các sản phẩm sau đây phải có nhãn hiệu chứng nhận an toàn và chất lượng

• Các sản phẩm dệt may gia dụng

⇒ Thông báo về các sản phẩm công nghiệp phải được xác nhận an toàn theo Điều 19 của Luật Quản lý chất lượng và kiểm soát an toàn sản phẩm công nghiệp và Điều 19 Nghị định thi hành Luật trên.

- Các nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu sản phẩm công nghiệp cần có chứng nhận an toàn sẽ được kiểm tra, giám định đối với từng mô hình sản phẩm bởi cơ quan kiểm nghiệm và thanh tra được chỉ định. Sau khi có chứng nhận sản phẩm đáp ứng tiêu chí an toàn, nhà nhập khẩu phải thông báo kết quả cho cơ quan chứng nhận an toàn.
- Bất kỳ nhà nhập khẩu, nhà sản xuất nào muốn được chứng nhận an toàn cần nộp đơn cho từng sản phẩm lên cơ quan chứng nhận. Đơn xin chứng nhận cần được gửi kèm theo các tài liệu sau:
 - Photo Giấy đăng ký kinh doanh
 - Bản miêu tả sản phẩm (kèm hình ảnh)
 - Kết quả kiểm tra an toàn được cấp bởi cơ quan kiểm tra giám định sản phẩm

Một số cơ quan cấp chứng nhận an toàn:

- Viện kiểm định môi trường và hàng hóa Hàn Quốc
- Viện nghiên cứu và kiểm định hóa dầu
- Cơ quan tiêu chuẩn và công nghệ Hàn Quốc
- Viện nghiên cứu và kiểm định trang phục Hàn Quốc
- Viện nghiên cứu và kiểm định Hàn Quốc
- Một số cơ quan được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc

3.3. Một số quy định dán nhãn

Ngày nay, có rất nhiều nhãn chứng nhận chất lượng liên quan đến sản phẩm dệt may gia dụng, nhưng đáng chú ý nhất là nhãn KPS, đây là nhãn chứng nhận an toàn bắt buộc. Theo Luật Quản lý Chất lượng và kiểm soát an toàn sản phẩm công nghiệp, các nhà nhập khẩu có ý định nhập khẩu và phân phối các mặt hàng dệt may gia dụng cần có nhãn này. Để có được dán nhãn này, các nhà nhập khẩu cần tự xác nhận an toàn của các mặt hàng thông qua các nội dung kiểm tra của các cơ quan kiểm định và nộp thông báo xác nhận đó lên các cơ quan chứng nhận an toàn sản phẩm.

Nhãn hiệu KC (chứng nhận của Hàn Quốc) sẽ được áp dụng như một nhãn hiệu chứng nhận thống nhất được yêu cầu đối với bất kỳ sản phẩm chứng nhận nào về sản xuất, nhập khẩu, phân phối tại thị trường. Bắt đầu từ năm 2010, 13 nhãn hiệu bắt buộc đối với các sản phẩm công nghiệp sẽ được tích hợp dần vào nhãn hiệu KC.



4. Một số cơ quan hữu ích

Tên	Cơ quan liên quan	Lĩnh vực	Website	SĐT
Cơ quan Hải quan Hàn Quốc	Văn phòng thông quan	Thông quan	www.customs.go.kr	+82-42-472-2181
Viện nghiên cứu và thử nghiệm trang phục Hàn Quốc	Cục quản lý chất lượng	Chứng nhận an toàn	www.katri.re.kr	+82-2-3668-3000
Cơ quan Hàn Quốc về công nghệ và tiêu chuẩn	Phòng an toàn sản phẩm	Chứng nhận an toàn	www.kats.go.kr	+82-2-509-7411
Viện kiểm định hàng hóa và môi trường Hàn Quốc	Phòng công nghệ	Chứng nhận an toàn	Kemti.org	+82-2-2102-2500

5. Thuế và các loại phí

5.1. Thuế nhập khẩu

Mức thuế nhập khẩu cơ bản đối với các sản phẩm dệt may gia dụng nhập khẩu vào Hàn Quốc là 13% và 30%. Đối với các mặt hàng dệt may gia dụng nhập khẩu từ ASEAN, các loại khăn tắm dùng trong nhà bếp và nhà vệ sinh đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 0% theo Hiệp định FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) và Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA).

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Cam kết	Thời gian	Thuế suất (%)
6302101000	Từ bông	Thuế cơ sở	01.01.2018~31.12.2018	13
6302101000	Từ bông	AK FTA	01.01.2018~31.12.2018	0
6302220000	Từ sợi nhân tạo	WTO	01.01.2018~31.12.2018	30
6302220000	Từ sợi nhân tạo	AK FTA	01.01.2018~31.12.2018	0
6302320000	Từ sợi nhân tạo	WTO	01.01.2018~31.12.2018	30
6302320000	Từ sợi nhân tạo	AK FTA	01.01.2018~31.12.2018	0
6302400000	Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	Thuế cơ sở	01.01.2018~31.12.2018	13

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Cam kết	Thời gian	Thuế suất (%)
6302400000	Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	AK FTA	01.01.2018~31.12.2018	0
6302510000	Từ bông	Thuế cơ sở	01.01.2018~31.12.2018	13
6302510000	Từ bông	AK FTA	01.01.2018~31.12.2018	0
6302600000	Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ bông	WTO	01.01.2018~31.12.2018	30
6302600000	Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ bông	AK FTA	01.01.2018~31.12.2018	0

Mức thuế nhập khẩu hàng dệt may gia dụng của Hàn Quốc theo Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc

Phân loại	Mã	Tên gọi, mô tả hàng hóa	Thuế suất VKFTA (%)		
			2016	2017	2018
	6302	Khăn trải giường, khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp.			
Khăn trải giường	63021000	- Khăn trải giường, dệt kim hoặc móc	0	0	0
		- Khăn trải giường khác, đã in:			
	63022100	-- Từ bông	0	0	0
	630222	-- Từ sợi nhân tạo:			
	63022210	--- Từ vải không dệt	0	0	0
	63022290	--- Loại khác	0	0	0
	63022900	-- Từ vật liệu dệt khác	0	0	0
		- Khăn trải giường khác:			
	63023100	-- Từ bông	0	0	0
	630232	-- Từ sợi nhân tạo:			
	63023210	--- Từ vải không dệt	0	0	0
	63023290	--- Loại khác	0	0	0
	63023900	-- Từ vật liệu dệt khác	0	0	0
Khăn trải bàn	63024000	- Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	0	0	0
		- Khăn trải bàn khác:			
	63025100	-- Từ bông	0	0	0
	63025300	-- Từ sợi nhân tạo	0	0	0
	63025900	-- Từ vật liệu dệt khác	0	0	0

Khăn trong nhà vệ sinh & bếp	63026000	- Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ bông	0	0	0
		- Loại khác:			
	63029100	-- Từ bông	0	0	0
	63029300	-- Từ sợi nhân tạo	0	0	0
	63029900	-- Từ vật liệu dệt khác	0	0	0

Nguồn: Hải quan Hàn Quốc

5.2. Thuế nội địa

10% thuế giá trị gia tăng (GTGT) sẽ được tính trên các sản phẩm dệt may gia dụng. Thuế GTGT được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 10% với số thuế phải nộp, bao gồm tổng giá thị trường cộng với thuế hải quan và các loại thuế nội địa như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế rượu. Thuế giá trị gia tăng được tính theo công thức sau:

$$\text{Thuế GTGT} = \text{tổng số thuế chịu thuế VAT} \times 10\%$$

Tổng số thuế chịu thuế VAT = lượng thuế chịu thuế hải quan + các loại thuế hải quan + các loại thuế nội địa được áp dụng vào thời điểm đặc biệt (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế vận tải, thuế rượu, thuế đặc biệt đối với phát triển nông thôn, thuế giáo dục)

(Lượng thuế chịu thuế hải quan là giá thị trường, tức là tổng giá trị sản phẩm nhập khẩu bên mua đã trả hoặc sẽ phải trả cho bên bán)

Ví dụ: Giá trị gia tăng đối với sản phẩm dệt may gia dụng có giá trị tính thuế hải quan là 1 triệu won sẽ được tính theo công thức sau:

TT	Phân loại	Công thức tính
		Ví dụ: 1 Triệu won
1	Giá trị chịu thuế hải quan	1 Triệu won
2	Thuế hải quan (0%)	0 won
3	Giá nhập khẩu thực tế	1 Triệu won
4	Giá nhập khẩu trước VAT	1 Triệu won
5	Thuế giá trị gia tăng (10%)	1 Triệu won x 0,1 = 100.000 won
	Giá nhập khẩu cuối cùng	1,1 Triệu won

6. Các tổ chức liên quan

Tên	Website	ĐT
Tin tức ngành dệt may Hàn Quốc	www.ktnews.com	+82-2-326-3600
Viện nghiên cứu và kiểm định Hàn Quốc	www.ktr.or.kr	+82-2-2634-0011
Viện phát triển kiểm định Hàn Quốc	www.textile.or.kr	+82-53-560-660

7. Một số triển lãm và nhà nhập khẩu lớn của Hàn Quốc

7.1. Một số triển lãm lớn tại Hàn Quốc

Tên triển lãm	Thời gian diễn ra triển lãm				Các doanh nghiệp tham gia		Các đối tác tham dự		Mặt hàng triển lãm
	1/4	2/4	3/4	4/4	Hàn Quốc	Nước ngoài	Hàn Quốc	Nước ngoài	
Seoul Living Design Fair (www.livingdesignfair.co.kr)	•				174	20	36,00	150	Sản phẩm nội thất
Seoul Essence Wedding Fair (www.esswedding.co.kr)	•		•		80	0	302	21	Các sản phẩm liên quan đến tổ chức đám cưới
Preview in SEOUL (www.kofoti.or.kr)			•		181	23	8.920	1.266	Các sản phẩm dệt
Preview In DAEGU (previewin.com)	•				177	17	4.708	1.416	Các sản phẩm dệt
Daegu International Fashion Fair (www.munhwa.com)				•	120	10	1.192	83	Các sản phẩm dệt
Kyung Hyang Housing Fair (www.khfair.com)	•			•	482	146	54.878	405	Các sản phẩm nội thất

7.2. Danh sách các nhà nhập khẩu lớn

Tên doanh nghiệp	SDT	Website/ Email	Sản phẩm nhập khẩu (các loại khăn thấm)		
			Giường	Bàn	NVS/ Bếp
E.LAND WORD LTD.	+82-2-323-0456	www.eland.co.kr	○	○	○
DANDONG TRADING CO.	+82-2-555-0916/7	postgraduate@hanmail.net	-	-	○
COSTCO WHOLESALE KOREA LTD.	+82-2-2630-2722	www.costco.co.kr	○	○	○
SONGWOL TOWEL CO.	+82-55-911-1000	www.songwol.co.kr	-	-	○
PYUNG AN CO.	+82-53-582-2386	www.amante.co.kr	○	○	○
SHINSEGAE EMART	+82-2-380-5114~7	Emart.shinsegae.com	○	○	○
2001 OUTLET CO.	+82-2-323-0456	www.eland.co.kr	○	-	○
CASAMIA CO.	+82-31-701-7998	www.casamia.co.kr	-	○	-
ALLIED YOUNG FORTUNE BRANDS CO.	+82-2-2631-0226	www.winenara.com	○	○	-
SHINHEUNG SEJIN CO.	+82-2-2267-4011	www.protocol.com.kr	-	-	○
WONU CO.	+82-2-569-5722	www.wonu.co.kr	○	-	-
MUNHWA TRADING CO.	+82-2-561-2028	Munhwa.en.ec21.com	-	○	-
SSAMZIE CO.	+82-2-422-8111	www.ssamize.co.kr	-	-	○
SUNGBO CLEAMY CO	+82-31-959-2811/2	www.esungbo.com	-	-	○
BLACK & DECKER ASIA PACIFIC PTE. LTD	+82-2-3016-9254	www.blackanddecker.co.kr	-	-	○